

Số: 5724 /KH-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026
của Chính phủ về Hạ tầng văn hóa số, giai đoạn 2026 - 2027**

*Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;
Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15; Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số
91/2025/QH15; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội
về phát triển văn hóa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2026 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ
về Hạ tầng văn hóa số;*

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện
Nghị định số 277/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về Hạ
tầng văn hóa số, giai đoạn 2026 - 2027 (sau đây gọi là Nghị định số 277/2026/NĐ-
CP) như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến và triển khai đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các
quy định của Nghị định số 277/2026/NĐ-CP; xác định rõ nội dung công việc, sản
phẩm đầu ra, tiến độ và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

b) Hình thành hạ tầng văn hóa số của ngành theo hướng đồng bộ, liên thông,
dùng chung; từng bước thiết lập và đưa vào vận hành Kho dữ liệu văn hóa số quốc
gia và các nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia trong lĩnh vực văn hóa.

c) Bảo đảm tiến độ, thời gian thực hiện tại Điều 19 Nghị định số
277/2026/NĐ-CP: hoàn thành kết nối, liên thông với Kho dữ liệu văn hóa số quốc
gia đối với các hoạt động, dự án đã triển khai trước ngày 30 tháng 10 năm 2026;
ban hành kế hoạch tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu văn hóa số và lộ trình kết nối trước
ngày 09 tháng 7 năm 2027.

d) Tạo cơ chế để thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số, góp phần hình thành mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 277/2026/NĐ-CP; xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có tính chất tiên đề để ưu tiên thực hiện.

b) Phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành đối với từng nhiệm vụ; bảo đảm không trùng lặp, không bỏ sót, một việc có một đầu mối chịu trách nhiệm chính.

c) Tuân thủ đúng phạm vi thẩm quyền: Bộ ban hành tiêu chuẩn, quy định chuyên ngành và hướng dẫn kỹ thuật đặc thù trong lĩnh vực văn hóa. Chủ động phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính theo phân công tại Điều 18 Nghị định số 277/2026/NĐ-CP.

d) Quán triệt các nguyên tắc: dữ liệu trước, hạ tầng sau; bảo đảm sáu tiêu chí chất lượng dữ liệu (đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung); ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phương thức thuê dịch vụ.

đ) Bảo đảm gắn phát triển hạ tầng văn hóa số với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và quyền sở hữu trí tuệ.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN HẾT NĂM 2027

1. 100% các hoạt động, dự án về dữ liệu văn hóa số đã triển khai trước ngày Nghị định có hiệu lực hoàn thành kết nối, liên thông với Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia trước ngày 30 tháng 10 năm 2026.

2. Ban hành Kế hoạch tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu văn hóa số và lộ trình kết nối vào Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia trước ngày 09 tháng 7 năm 2027; 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có dữ liệu văn hóa số hoàn thành rà soát, lập danh mục dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

3. Ban hành và đưa vào áp dụng bộ tiêu chuẩn, quy định chuyên ngành đặc thù về dữ liệu văn hóa số (hệ thống dữ liệu đặc tả, mã định danh đối tượng, từ điển dữ liệu dùng chung); công bố Danh mục sản phẩm, dịch vụ văn hóa số được ưu tiên phát triển.

4. Thiết lập và đưa vào vận hành phiên bản đầu của Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia và cổng kiểm thử giao diện lập trình (API sandbox) công khai; kết nối Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và Cổng dữ liệu quốc gia.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Quán triệt, phổ biến Nghị định và hoàn thiện thể chế nội ngành

Tổ chức hội nghị quán triệt, tập huấn nội dung Nghị định số 277/2026/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch tại 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản chuyên ngành để bảo đảm đồng bộ với Nghị định.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu và Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia

- Tổ chức rà soát, thống kê, chuẩn hóa và số hóa dữ liệu văn hóa; xây dựng danh mục dữ liệu, hệ thống dữ liệu đặc tả, từ điển dữ liệu dùng chung, mã định danh đối tượng và các tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu thống nhất trong toàn ngành.

- Xây dựng, thiết lập, quản trị, vận hành Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo mô hình liên hợp, kết hợp giữa tập trung và phân tán; bảo đảm khả năng lưu trữ, tích hợp, chuẩn hóa, chia sẻ và khai thác dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch. Thiết lập giao diện lập trình ứng dụng mở (Open API) và các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ kết nối, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong ngành và với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm tính thống nhất, kế thừa và khả năng tái sử dụng dữ liệu; thực hiện đối chiếu, chuẩn hóa mã định danh, tái sử dụng các mã hiện có và lưu giữ mã cũ làm trường liên kết khi cấp mã mới, bảo đảm không làm gián đoạn quá trình quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu.

- Phát triển các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và cung cấp dịch vụ số, ưu tiên các nền tảng thư viện số, bảo tàng số, di sản số, nghệ thuật biểu diễn trực tuyến, nền tảng tích hợp và phân tích dữ liệu lớn phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa.

- Hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia với Trung tâm dữ liệu quốc gia, hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNeID) và các nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Ưu tiên tập trung triển khai ngay các nhiệm vụ có tính chất nền tảng, quản trị và rà soát pháp lý, không phụ thuộc vào việc đầu tư xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật, bao gồm:

+ Rà soát, chuẩn hóa hệ thống dữ liệu đặc tả (metadata) và xác định rõ chế độ quyền tác giả, quyền liên quan đối với các tài nguyên văn hóa đã số hóa; bảo đảm việc đóng góp dữ liệu vào Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia không làm thay đổi quyền của chủ sở hữu dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ của các tổ chức, cá nhân.

+ Xác định mô hình quản lý, vận hành Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia theo phương thức liên hợp, kết hợp giữa tập trung và phân tán; xây dựng lộ trình kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

+ Ban hành quy định, hướng dẫn kỹ thuật về quản trị dữ liệu và khai thác theo mô hình "một nguồn cung cấp, nhiều bên cùng sử dụng"; phân công rõ trách nhiệm quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ và địa phương, bảo đảm giữ gìn ngữ cảnh văn hóa và an toàn thông tin, an ninh mạng.

+ Rà soát và đánh giá các nền tảng số dùng chung hiện có (thư viện số, bảo tàng số, di sản số, nghệ thuật biểu diễn trực tuyến) để tích hợp, liên thông; áp dụng các giải pháp kỹ thuật xác thực như gắn nhãn số, chữ ký số nhằm bảo đảm tính nguyên bản của dữ liệu văn hóa trên môi trường số.

+ Xác định nhu cầu kinh phí tạo lập dữ liệu, vận hành, duy trì hạ tầng, thuê dịch vụ hạ tầng số từ nguồn dự toán chi thường xuyên hằng năm và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Phát triển nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia trong lĩnh vực văn hóa

- Xây dựng, thiết lập các nền tảng dùng chung quy mô quốc gia do Bộ là cơ quan chủ quản:

+ Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành: Đảm bảo kết nối, đồng bộ thông suốt giữa Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia với các hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương.

+ Nền tảng tổng hợp và phân tích dữ liệu lớn (Big Data): Phục vụ công tác dự báo, hoạch định chính sách và quản lý nhà nước theo thời gian thực.

+ Nền tảng số toàn dân: Tập trung phát triển các tiện ích về thư viện số, bảo tàng số, di sản số, nghệ thuật biểu diễn trực tuyến và đào tạo nghệ thuật trực tuyến.

- Cơ chế thực hiện:

+ Bảo đảm không trùng lặp với các nền tảng của các Bộ, ngành và địa phương; ưu tiên triển khai theo phương thức thuê dịch vụ từ các doanh nghiệp có năng lực đối với từng loại nền tảng (tích hợp, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành; tổng hợp, phân tích dữ liệu lớn; nền tảng toàn dân).

4. Xây dựng hành lang pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và danh mục ưu tiên

- Ban hành quy định đặc thù về dữ liệu: Xây dựng các tiêu chuẩn về dữ liệu đặc tả (metadata), mã định danh và từ điển dữ liệu dùng chung để đảm bảo dữ liệu có khả năng "đọc, hiểu" và xử lý tự động bởi máy tính.

- Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ văn hóa số ưu tiên phát triển theo Điều 14, gồm các công nghệ số (trí tuệ nhân tạo, blockchain, thực tế ảo/thực tế tăng cường...) và sản phẩm văn hóa số ưu tiên đầu tư phát triển theo từng thời kỳ.

- Ban hành bộ tiêu chí tham khảo về yêu cầu chuyên ngành đặc thù và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phục vụ việc tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu văn hóa số có liên quan

5. Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu

- Triển khai hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; thực hiện tích hợp hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNeID) nhằm định danh người dùng và truy xuất nguồn gốc trong các giao dịch văn hóa số.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ an ninh mạng, phòng ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng liên quan đến hạ tầng văn hóa.

6. Công tác kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc tiến độ thực hiện các mục tiêu đề ra; thiết lập cơ chế theo dõi và công khai tình hình thực hiện, đặc biệt là đối với các nhiệm vụ chậm tiến độ so với kế hoạch.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá hiệu quả triển khai để kịp thời tham mưu, điều chỉnh các chính sách phù hợp với tình hình phát triển công nghệ và thực tiễn ngành.

(Danh sách nhiệm vụ chi tiết theo phụ lục đính kèm)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ các nguồn theo quy định tại Nghị định số 277/2026/NĐ-CP, bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Quỹ của Nhà nước, quỹ hình thành từ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn thu hợp pháp từ hoạt động cung cấp dịch vụ dữ liệu, khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn vốn đầu tư, xã hội hóa, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Kinh phí từ ngân sách nhà nước chỉ cho phát triển hạ tầng văn hóa số ưu tiên thực hiện theo phương thức thuê dịch vụ. Chi phí vận hành, duy trì, nâng cấp hạ tầng dùng chung quốc gia được xác định là chi thường xuyên ngay tại thời điểm phê duyệt đề án, dự án.

3. Đối với dữ liệu văn hóa số do cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý tạo lập, chuẩn hóa:

a) Đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí trong dự toán chi ngân sách trung ương giao cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; đơn vị lập dự toán gửi Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Khoa học công nghệ, Đào tạo và Môi trường để rà soát, xác định nhu cầu kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan, tổng hợp, trình Bộ trưởng phê duyệt cùng thời điểm lập dự toán ngân sách hằng năm của Bộ.

b) Đối với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động bố trí kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật đối với nhiệm vụ tạo lập, chuẩn hóa, kết nối dữ liệu văn hóa số tại địa phương thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo phân cấp. Trường hợp nhiệm vụ gắn mốc thời hạn bắt buộc tại Điều 19 Nghị định số 277/2026/NĐ-CP mà địa phương chưa cân đối được ngân sách, các Sở báo cáo về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số) để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước có dữ liệu thuộc diện đóng góp, kết nối vào Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia

Việc đóng góp dữ liệu không phát sinh nghĩa vụ cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động nội bộ của tổ chức; trường hợp Nhà nước có nhu cầu đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua dịch vụ dữ liệu thì thực hiện theo pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý, duy trì, vận hành hạ tầng văn hóa số thực hiện cơ chế tự chủ tài chính; quản lý, sử dụng nguồn thu; chi trả thù lao; thuê dịch vụ; tái đầu tư; duy trì, nâng cấp hạ tầng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về ngân sách nhà nước, phí, lệ phí, giá, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí:

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch.

- Các cơ quan, đơn vị khi xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án hoặc phương án thuê dịch vụ có trách nhiệm xác định đầy đủ nhu cầu kinh phí xây dựng, thiết lập,

quản lý, vận hành, duy trì, phát triển hạ tầng và các chi phí có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ được giao, bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực và quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số

- Là cơ quan thường trực, đầu mối kỹ thuật giúp Bộ trưởng theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch trong toàn ngành.

- Chủ trì xây dựng, thiết lập, quản trị, vận hành Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia và các nền tảng số dùng chung quy mô quốc gia thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ; hướng dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn về tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu; thiết lập giao diện lập trình ứng dụng mở (API) bảo đảm khả năng tích hợp, trao đổi dữ liệu tự động giữa các hệ thống.

- Thực hiện vai trò điều phối, hỗ trợ kỹ thuật về hạ tầng dữ liệu cho toàn ngành; không phát triển thay phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành của các đơn vị thuộc Bộ.

- Định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu, đề xuất Lãnh đạo Bộ giải pháp xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc vướng mắc kỹ thuật phát sinh.

2. Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì tổ chức tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu văn hóa số thuộc phạm vi quản lý vào Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia; bảo đảm chất lượng dữ liệu theo sáu tiêu chí (đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung).

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính nguyên bản và chất lượng dữ liệu; gắn dữ liệu đặc tả (metadata) đầy đủ thông tin về ngữ cảnh văn hóa, ngữ cảnh số hóa và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định.

- Chủ trì các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo; chủ động bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm được giao và huy động nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Rà soát và xây dựng kế hoạch hằng năm về tạo lập, chuẩn hóa, kết nối và chia sẻ dữ liệu văn hóa số tại địa phương phù hợp với lộ trình chung của Bộ.

- Hoàn thành việc kết nối, liên thông các hệ thống dữ liệu, dự án hạ tầng văn hóa số đã triển khai tại địa phương vào Kho dữ liệu văn hóa số quốc gia **trước ngày 30 tháng 10 năm 2026**.

4. Công tác phối hợp liên ngành

- Phối hợp với Bộ Công an bố trí hạ tầng số, hạ tầng trung tâm dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; triển khai biện pháp bảo vệ an ninh mạng; ứng dụng hệ thống định danh và xác thực điện tử (VNeID).

- Phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc đề xuất dự toán ngân sách hằng năm và xây dựng Danh mục sản phẩm, dịch vụ văn hóa số ưu tiên phát triển.

- Hợp tác với Bộ Giáo dục và Đào tạo lồng ghép giáo dục di sản văn hóa trên môi trường số; phối hợp với Bộ Ngoại giao sử dụng kho dữ liệu số để quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam ra quốc tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ (qua Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số) để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các Bộ Công an, Tài chính, KH&CN, GD&ĐT, Ngoại giao (để phối hợp);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở VH TTDL, Sở VH TT, Sở Du lịch;
- Công TTĐT Bộ (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP, CĐSVH TTDL, MA.80

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Huy Dũng